

Số: ..01...../2017/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 05 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đợt 1 năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đợt 1 năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7017/TTr-STNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng 66,5575 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện 20 dự án đợt 1 năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

1. Đất trồng lúa: 56,2216 ha, với 19 dự án.
2. Đất rừng phòng hộ: 10,3359 ha, với 01 dự án.

(Có Phụ lục kèm theo)

3. Trong quá trình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, nếu có sai số do đo đạc thì diện tích được điều chỉnh theo số liệu thực tế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2017

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu UBND tỉnh thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cho các tổ chức được chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo đúng quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức sản xuất lúa và chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, thực hiện các biện pháp chống thoái hóa đất nhằm duy trì diện tích đất trồng lúa nước có năng suất cao, đảm bảo an ninh lương thực;

b) Chú trọng công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng, phát triển lâm nghiệp, kiến tạo cảnh quan môi trường.

3. Sở Tài chính: xác định và thu nộp khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi Nhà nước cho chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

4. UBND các huyện, thành phố

a) Thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân được chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo đúng quy định;

b) Tổ chức công bố, công khai Danh mục các dự án, công trình được chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện, thành phố ban hành kèm theo Quyết định này đến các tổ chức, đoàn thể địa phương và nhân dân trên địa bàn huyện, thành phố biết để thực hiện theo đúng quy định;

c) Thực hiện các nội dung về quản lý, sử dụng đất trồng lúa của địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh.

☺

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Ngọc

PHỤ LỤC:

(Kèm theo Quyết định số 04 /2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 04 năm 2017 của UBND tỉnh Tây Ninh)

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯỢC CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH ĐỢT 1 NĂM 2016**

STT	Tên Dự án	Loại đất	Vị trí	Trong đó diện tích sử dụng (ha)				
				Tổng số	Đất trồng lúa		Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ
					Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại		
I	Huyện Gò Dầu		4	20,5428	19,2235	1,3193		
1	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu (giai đoạn 2)	ODT	Thị trấn Gò Dầu	7,9000	7,9000			
2	Bờ kè chống sạt lở và ngập lũ khu dân cư thị trấn Gò Dầu (giai đoạn 2)	DTL	Thị trấn Gò Dầu	9,7000	9,7000			
3	Dự án thăm dò khoáng sản đất san lấp	SKX	ấp Phước An, xã Phước Thạnh	1,6235	1,6235			
4	Dự án thăm dò khoáng sản đất san lấp	SKX	ấp Cây Trắc, xã Phước Đông	1,3193		1,3193		
II	Huyện Châu Thành		6	22,3196	14,8757	7,4439		
1	Dự án lò gạch Hoffman	SKC	xã Hòa Hội	2,3200	2,3200			
2	Dự án khai thác khoáng sản than bùn	SKS	xã An Bình	2,7000	2,7000			
3	Dự án khai thác khoáng sản than bùn	SKS	xã Long Vĩnh	9,0000	9,0000			
4	Dự án thăm dò khoáng sản đất san lấp	SKX	xã An Bình	0,8557	0,8557			
5	Dự án thăm dò khoáng sản đất san lấp	SKX	xã Ninh Điền	0,4739		0,4739		
6	Dự án thăm dò khoáng sản đất san lấp	SKX	ấp Gò Nổi, xã Ninh Điền	6,9700		6,9700		
III	Huyện Bến Cầu		1	0,1050	0,0000	0,1050		
1	Dự án Trạm kiểm soát biên phòng Long Phước	CQP	ấp Phước Trung, xã Long Phước	0,1050		0,1050		
IV	Huyện Tân Châu		2	3,8438		3,8438		10,3359
1	Dự án thăm dò khoáng sản đất san lấp	SKX	ấp Hội Thanh, xã Tân Hội	3,8438		3,8438		
2	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 794	DGT	xã Tân Hòa					10,3359
V	Huyện Trảng Bàng		6	7,9804	7,9804	0,0000		
1	Mở rộng doanh trại Đại đội bộ binh 54	CQP	ấp Phước Hưng, xã Phước Chỉ	2,6000	2,6000			
2	Đê bao Phước Hội	DTL	ấp Phước Hội, xã Phước Chỉ	3,6000	3,6000			
3	Trạm cấp nước tập trung	DTL	ấp Bình Nguyên II, xã Gia Bình	0,0500	0,0500			
4	Cầu An Hòa	DGT	ấp Phước Hội, xã Phước Chỉ	1,0000	1,0000			
5	Trường Mầm non Song Hương	DGD	ấp Bình Phú, xã Bình Thạnh	0,0500	0,0500			

STT	Tên Dự án	Loại đất	Vị trí	2 Trong đó diện tích sử dụng (ha)				
				Tổng số	Đất trồng lúa		Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ
					Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại		
6	Nhà máy xay sảy lúa	SKC	ấp Lộc Tân, xã Lộc Hưng	0,6804	0,6804			
VI	Dự án liên huyện (TPTN, Hòa Thành, Dương Minh Châu)		1	1,4300	1,4300			
1	Kênh tiêu Vững Rau Muống	DTL	Phường Ninh Thạnh (TPTN); Long Thành Bắc (Hòa Thành); Bàu Năng (DMC)	1,4300	1,4300			
	Tổng cộng		20	56,2216	43,5096	12,7120		10,3359